

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày 03/02/2025
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Vượng.

2. Ông Ma Quốc Thế.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Trần Thị Minh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Hữu Trí – Kiểm sát viên.

Ngày 03/02/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 513/2024/TLST-HNGĐ ngày 08/11/2024 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N – Sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Ngọc P – Sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt (Đã được triệu tập hợp lệ 02 lần).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có quan điểm trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 20/12/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, chị và anh P cùng nhau làm ăn sinh sống tại thôn X, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Từ năm 2007, chị và anh P cùng nhau đi làm ăn tại tỉnh Bình Dương. Đến năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và kinh tế gia đình. Năm 2017, chị N quay về xã Đ, huyện S, tỉnh

Tuyên Quang sinh sống cùng gia đình anh P, còn anh P tiếp tục làm ở tỉnh Bình Dương cho đến nay, rất ít khi về nhà. Do đã có mâu thuẫn từ trước và vợ chồng ở cách xa nhau nên chị và anh P không còn quan tâm đến nhau và mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng. Chị N đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống và ly thân với anh P nhau từ năm 2017 cho đến nay. Chị N xác định không còn tình cảm với anh P, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh P để mỗi người có một cuộc sống riêng. Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị N và anh P có hai con chung.

- Cháu Đỗ Ngọc H – Sinh ngày: 27/9/2006.

- Cháu Đỗ Thu H1 – Sinh ngày: 14/9/2012.

Chị N có quan điểm sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H1 đến khi cháu H1 trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cháu H đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ đối với anh Đỗ Ngọc P nhiều lần nhưng anh P không đến Tòa án để làm việc. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Qua xác minh cho thấy, anh Đỗ Ngọc P là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình. Hiện nay, anh P đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về thăm nhà.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm, bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” của chị Nguyễn Thị N đối với anh Đỗ Ngọc P.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Ngọc P ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thu H1 – Sinh ngày: 14/9/2012 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H1 trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Đỗ Ngọc P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đỗ Ngọc P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Đỗ Ngọc H đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

5. Về án phí; Quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết.

- Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Ngọc P là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên chị N khởi kiện về việc xin ly hôn với anh P và yêu cầu giải quyết về con chung. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Do đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Ngọc P xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 20/12/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh P.

HĐXX thấy rằng, thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh P cuộc sống chung vợ chồng không hòa hợp, mâu thuẫn đã kéo dài, không thể khắc phục được nữa, vợ chồng đã sống ly thân với nhau thời gian dài nhưng không thể hòa giải, hàn gắn để quay về chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh P.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị N và anh P có hai con chung.

- Cháu Đỗ Ngọc H – Sinh ngày: 27/9/2006.

- Cháu Đỗ Thu H1 – Sinh ngày: 14/9/2012.

Chị N có quan điểm nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H1.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Cháu H1 đang ở độ tuổi rất cần sự quan tâm, giáo dục một cách thường xuyên của cha, mẹ để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần, sức khỏe và nhân cách. Hiện tại, cháu H1 đang sinh sống tại cùng địa phương với chị N, chị N thường xuyên đến thăm nom, chăm sóc cháu H1; anh P đi làm ăn xa, thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Chị N có nơi cư trú rõ ràng, công việc, thu nhập ổn định, vẫn đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đầy đủ và đảm bảo được về thời gian, điều kiện sinh hoạt, học tập cho con. Quá trình nuôi con, chị N và anh P không vi phạm nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của con. Cháu H1 có nguyện vọng muốn được ở cùng anh P, tuy nhiên do anh P thường xuyên vắng mặt tại địa phương, ít khi về nhà nên không thể đảm bảo toàn diện được về quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H1.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, để ổn định cuộc sống, không làm xáo trộn môi trường sống và học tập của cháu H1, cần chấp nhận nguyện vọng của chị N về việc nuôi con chung. Giao cháu H1 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cháu Đỗ Ngọc H đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường, đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 3 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” của chị Nguyễn Thị N đối với anh Đỗ Văn P1.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Văn P1 ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số: 112, ngày 20/12/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang).

3. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thu H1 – Sinh ngày: 14/9/2012 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H1 trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 03/02/2025. Anh Đỗ Ngọc P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đỗ Ngọc P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/24, số: 0001600 ngày 08/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Ngọc P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- Ủy ban nhân dân xã Đông Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Cường